

Vietnam Daily Review

Phiên bút phá

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/10/2021		•	
Tuần 11/10-15/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thông tin về gói kích thích hỗ trợ kinh tế đang gây hiệu ứng khá tích cực lên thị trường chứng khoán. VN-Index chính thức vượt lên vùng kháng cự tâm lý trung hạn 1370-1380 trong phiên giao dịch Dòng tiền đầu tư chảy vào thị trường khi có 13/19 nhóm ngành vận động khả quan so với phiên trước. Các nhóm ngành giúp thị trường tăng điểm là: Ngân hàng, Du lịch & Giải trí và Dịch vụ tài chính. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản tăng so với phiên trước. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng tại cả 2 sàn HSX và HNX. Với xu hướng dòng tiền nội và ngoại ủng hộ thị trường, VN-Index có thể vận động trong vùng 1380-1400 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/10/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: VHM_Hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index +21.36 điểm, đóng cửa 1394.09 điểm. HNX-Index +2.43 điểm, đóng cửa 374.34 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+1.19), VPB (+0.99), SSB (+0.52), GVR (+0.37), MSB (+0.34)
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-1.24), HPG (-0.59), VHM (-0.57), NVL (-0.35), TCB (-0.28)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 20,886 tỷ đồng, + 23.7% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,791 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 21.7 điểm. Thị trường có 228 mã tăng, 38 mã tham chiếu và 192 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 432.92 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FMC (214.3 tỷ), VRE(112.9 tỷ), VHM (80.9 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 4.05 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1394.09**
Giá trị: 20886.46 tỷ **21.36 (1.56%)**
Khối ngoại (ròng): 423.92 tỷ

HNX-INDEX **374.34**
Giá trị: 1836.52 tỷ **2.42 (0.65%)**
Khối ngoại (ròng): 4.05 tỷ

UPCOM-INDEX **98.80**
Giá trị: 1820 tỷ **0.5 (0.51%)**
Khối ngoại (ròng): -2164.16 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	81.3	2.48%
Giá vàng	1,755	-0.11%
Tỷ giá USD/VND	22,758	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,340	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	20,176	-0.70%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	7.95%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FMC	214.3	SBT	73.6
VRE	112.9	VNM	53.4
VHM	80.9	NVL	51.0
CTG	50.7	PAN	30.7
STB	46.1	DGC	27.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
VHM_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VHM đang nằm trong xu hướng hồi phục từ vùng đáy 76.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy cổ phiếu đang hấp dẫn dòng tiền. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và hướng tới MA50, cho thấy xu hướng tăng giá ngắn hạn. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 81.0, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 88.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 79.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

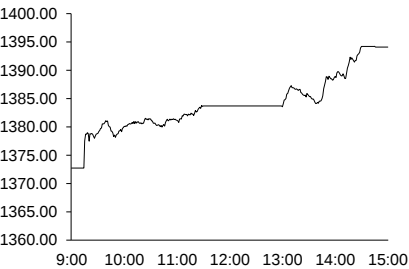
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	2.72%
Du lịch và Giải trí	2.45%
Dịch vụ tài chính	2.05%
Tài nguyên Cơ bản	2.00%
Bất động sản	1.53%
Dầu khí	1.42%
Thực phẩm và đồ uống	0.90%
Bảo hiểm	0.47%
Hóa chất	0.45%
Công nghệ Thông tin	0.44%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.43%
Bán lẻ	0.27%
Truyền thông	0.12%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	-0.04%
Ô tô và phụ tùng	-0.11%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.24%
Y tế	-0.48%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.97%

Hình 1

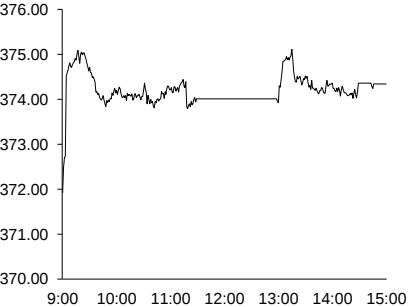
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

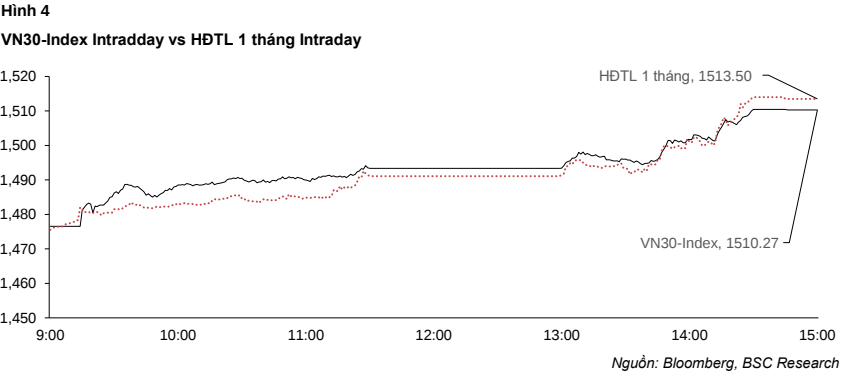
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/10/2021	VSC	62.5	70	60	61.9	3	-0.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/10/2021	TIP	43.3	48	41	42.8	4	-1.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	DRC	33.7	37	31.3	33.3	5	-1.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/10/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	34.7	6	0.14%	Có thể tiếp tục mua
4/10/2021	GVR	37.1	44.5	36	37.8	7	1.89%	Có thể tiếp tục mua
1/10/2021	CII	18.5	20.5	17.7	18.95	10	2.43%	Có thể tiếp tục mua
30/9/21	EVG	12.15	14	11.2	12	11	-1.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/9/21	NT2	20.8	23.5	20	21.7	12	4.33%	Có thể tiếp tục mua
28/9/21	HPG	52.6	61.2	50.2	57.2	13	8.75%	Có thể tiếp tục mua
20/9/21	VNM	88.7	95	85	90	21	1.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/9/21	VRE	28.55	32	27	30.45	26	6.65%	Có thể tiếp tục mua
13/9/21	KDH	41.25	45.5	39.5	43.65	28	5.82%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	57.9	32	11.78%	Có thể tiếp tục mua
31/8/21	PVS	24.96	30.84	23.61	28.5	41	14.18%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	18.05	55	13.52%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	15.35	60	14.98%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
24/9/21	TCH	18.05	21	17	SL	17	-5.82%
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	TP	38	17.23%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	4	7.16%	-1.13%	5.09%	21
Cổ phiếu đã chốt	190	128	14.07%	-7.87%	5.24%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1513.50	2.64%	3.23	10.8%	131,487	10/21/2021	12
VN30F2111	1509.00	2.76%	-1.27	68.1%	647	11/18/2021	40
VN30F2112	1504.80	2.51%	-5.47	82.1%	51	12/16/2021	68
VN30F2203	1501.20	2.47%	-9.07	-36.6%	45	3/17/2022	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +33.73 điểm lên 1510.27 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, ACB, VIC, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng lên quanh 1510 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2109	3/7/2022	147	4:1	1,622,400	38.81%	2,200	2,760	22.12%	1,805	1.53	58,800	50,000	53,000
CVRE2109	3/7/2022	147	4:1	1,213,100	38.74%	1,100	1,310	18.02%	997	1.31	33,400	29,000	30,450
CPNJ2105	1/6/2022	87	5:1	386,600	31.86%	3,300	2,650	16.23%	2,188	1.21	26,000	9,500	102,000
CVPB2108	7/3/2022	265	5:1	787,900	38.81%	2,200	2,430	8.48%	12	210.94	75,500	64,500	36,800
CHPG2113	3/7/2022	147	4:1	1,526,500	38.02%	2,400	3,320	7.79%	2,294	1.45	61,100	51,500	57,200
CVRE2106	1/6/2022	87	2:1	1,540,600	38.74%	2,300	2,240	7.18%	1,922	1.17	39,500	28,000	30,450
CMSN2105	1/6/2022	87	5:1	564,600	40.48%	5,000	5,090	6.26%	4,784	1.06	153,000	128,000	147,000
CTCB2105	5/4/2022	205	5:1	448,900	38.81%	3,600	3,420	5.23%	2,267	1.51	63,000	45,000	53,000
CHPG2109	1/10/2022	91	1:1	144,400	38.02%	4,000	8,170	5.01%	5,793	1.41	59,000	55,000	57,200
CVHM2110	3/7/2022	147	7.59:1	730,800	33.83%	1,800	1,360	3.82%	777	1.75	98,654	84,994	81,000
CVRE2105	5/4/2022	205	5:1	674,700	38.74%	1,200	1,390	3.73%	820	1.70	42,000	30,000	30,450
CHPG2110	12/6/2021	56	5:1	1,035,000	38.02%	2,400	3,150	2.61%	2,725	1.16	56,000	44,000	57,200
CMWG2104	3/22/2022	162	10:1	221,100	36.30%	2,400	7,060	2.32%	1,130	6.25	159,000	135,000	129,500
CFPT2105	1/6/2022	87	4.95:1	743,800	32.58%	3,500	4,090	2.25%	3,271	1.25	103,500	86,000	99,200
CHPG2111	1/6/2022	87	5:1	1,721,100	38.02%	1,700	2,840	1.43%	2,107	1.35	56,500	48,000	57,200
CVIC2105	1/6/2022	87	4.44:1	739,500	33.75%	3,250	1,440	1.41%	1,465	0.98	136,250	120,000	91,900
CKDH2104	1/19/2022	100	2:1	341,800	33.38%	3,500	2,400	0.84%	1,571	1.53	51,000	44,000	43,650
CMWG2107	1/6/2022	87	5:1	594,500	36.30%	6,600	7,380	0.82%	232	31.76	198,000	165,000	129,500
CVHM2107	1/6/2022	87	5:1	385,200	33.83%	3,900	2,910	0.69%	46	63.37	129,500	110,000	81,000
CVNM2109	1/6/2022	87	5:1	580,600	25.92%	2,150	1,620	0.62%	587	2.76	105,750	95,000	90,000
Tổng				14,380,700	36.57%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/10/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CTCB2109 và CVRE2109 tăng mạnh lần lượt là 22.12% và 18.02%. Giá trị giao dịch tăng 21.46%. CHPG2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.76% thị trường.
- CVIC2105, CMSN2105, CTCB2108, CHPG2110, và CVRE2106 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CHPG2109, và CHPG2111 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2105, CMSN2104, và CFPT2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	129.5	0.5%	0.9	4,014	9.8	6,428	20.1	5.1	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	102.0	2.5%	1.0	1,008	3.2	5,812	17.5	4.1	48.3%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	62.0	1.3%	1.4	2,001	4.1	2,522	24.6	2.2	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	47.0	2.2%	0.5	457	2.6	3,491	13.5	1.4	55.4%	10.8%
VIC	Bất động sản	91.9	2.9%	0.7	15,204	10.6	1,767	52.0	3.8	13.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	30.5	4.5%	1.1	3,008	12.4	1,195	25.5	2.3	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	81.0	1.4%	1.0	15,335	18.8	7,714	10.5	3.6	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	21.6	3.8%	1.3	560	8.2	1,379		1.5	28.8%	11.0%
SSI	Chứng khoán	41.9	2.6%	1.5	1,790	14.8	1,861	22.5	3.7	44.8%	16.5%
VCI	Chứng khoán	62.1	1.0%	1.0	899	6.7	3,466	17.9	3.9	20.1%	25.4%
HCM	Chứng khoán	39.0	5.0%	1.6	517	7.9	2,210	17.6	3.2	47.5%	19.4%
FPT	Công nghệ	99.2	0.3%	0.9	3,914	9.9	4,234	23.4	5.4	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	82.1	-1.2%	0.4	1,172	0.1	4,304	19.1	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	112.5	0.1%	1.3	9,362	10.9	4,077	27.6	4.6	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	54.9	1.9%	1.5	3,033	4.5	3,216	17.1	2.8	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.5	0.4%	1.7	592	10.7	1,136	25.1	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	21.8	2.8%	0.8	2,939	13.9	(909)		2.2	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.0	-0.7%	0.3	563	0.1	5,761	17.2	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	37.6	0.4%	0.8	639	7.0	2,903	12.9	1.7	9.7%	13.6%
DCM	Hóa chất	29.5	4.4%	0.7	679	6.8	1,169	25.2	2.3	3.9%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.5	0.5%	1.1	15,722	4.6	5,534	17.6	3.4	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	40.0	2.0%	1.3	6,995	3.0	2,464	16.2	2.0	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	31.0	5.3%	1.3	6,477	22.4	3,417	9.1	1.6	24.5%	19.0%
VPB	Ngân hàng	36.8	2.5%	1.2	7,113	17.0	2,807	13.1	2.7	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.8	4.0%	1.2	4,731	31.0	2,764	10.4	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.6	3.7%	1.0	3,830	9.4	3,589	9.1	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.0	-0.2%	0.7	189	0.1	4,762	11.1	1.9	83.5%	16.4%
NTP	Nhựa	50.1	-1.0%	0.4	257	0.0	4,085	12.3	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	24.6	-0.8%	0.7	1,176	0.9	39	630.8	1.9	10.1%	0.3%
HPG	Thép	57.2	2.7%	1.1	11,124	63.0	5,616	10.2	3.5	25.5%	39.8%
HSG	Thép	47.9	0.4%	1.4	1,027	18.8	7,745	6.2	2.4	11.8%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.0	0.4%	0.6	8,178	9.7	4,572	19.7	5.9	54.8%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	163.0	0.2%	0.8	4,545	0.6	7,293	22.4	5.0	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	147.0	1.0%	0.9	7,545	5.9	1,787	82.3	8.1	32.3%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	22.2	4.2%	1.2	607	10.5	951	23.3	1.7	9.6%	7.4%
ACV	Vận tải	86.2	1.4%	0.8	8,159	0.2	577	149.4	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	132.5	2.8%	1.1	3,120	6.2	279		4.2	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	27.0	3.4%	1.7	2,604	1.7	(7,644)		N/A	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	51.0	-0.4%	1.0	668	6.4	1,357	37.6	2.5	41.2%	6.7%
PVT	Vận tải	24.6	0.0%	1.4	345	3.8	2,487	9.9	1.6	13.7%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	128.0	0.7%	0.9	890	1.3	9,519	13.4	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.7	-0.6%	0.4	676	0.5	2,098	16.5	2.4	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.9	-0.6%	0.9	412	3.4	1,653	15.0	1.7	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	69.4	-1.3%	1.0	223	1.1	2,005	34.6	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	19.0	0.0%	0.6	197	2.8	127	149.4	1.0	21.8%	0.6%
REE	Điện	70.5	0.0%	-1.4	947	1.9	5,807	12.1	1.8	49.0%	15.8%
PC1	Điện	38.9	-0.4%	-0.4	323	2.6	3,445	11.3	1.7	8.1%	17.5%
POW	Điện	12.4	-0.4%	0.6	1,263	12.0	1,079	11.5	1.0	3.0%	8.7%
NT2	Điện	21.7	-1.1%	0.5	272	1.2	1,093	19.9	1.5	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	45.3	-0.7%	1.1	1,122	13.2	1,808	25.1	2.1	17.3%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	44.6	-1%	1.0	2,005	0.1			3.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	91.90	2.91	2.64	2.69MLN
TCB	53.00	4.54	2.15	23.10MLN
CTG	31.00	5.26	1.99	16.94MLN
HPG	57.20	2.69	1.79	25.55MLN
VHM	81.00	1.38	1.28	5.38MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.20	2.27MLN	1.11MLN
LGC	-0.01	-0.17	2500	607060
BCM	0.00	-0.11	57100	373600
DBC	0.00	-0.06	3.74MLN	192700
HDG	0.00	-0.04	1.36MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LEC	13.05	6.97	0.01	500.00
CCI	23.10	6.94	0.01	5200
DXS	30.90	6.92	0.19	1.81MLN
VCA	18.60	6.90	0.01	223200
DRH	20.20	6.88	0.02	2.50MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	30.65	-6.98	-0.02	16300
DAH	8.93	-6.98	-0.01	1.68MLN
EMC	18.30	-6.87	-0.01	100.00
LGC	48.55	-6.45	-0.17	2500
TCR	4.35	-5.43	0.00	13800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	38.20	2.14	0.44	3.75MLN
BAB	22.20	0.91	0.25	38300.00
NVB	28.20	1.08	0.22	225200
APS	25.10	5.02	0.14	1.78MLN
EVS	34.10	7.57	0.12	251200

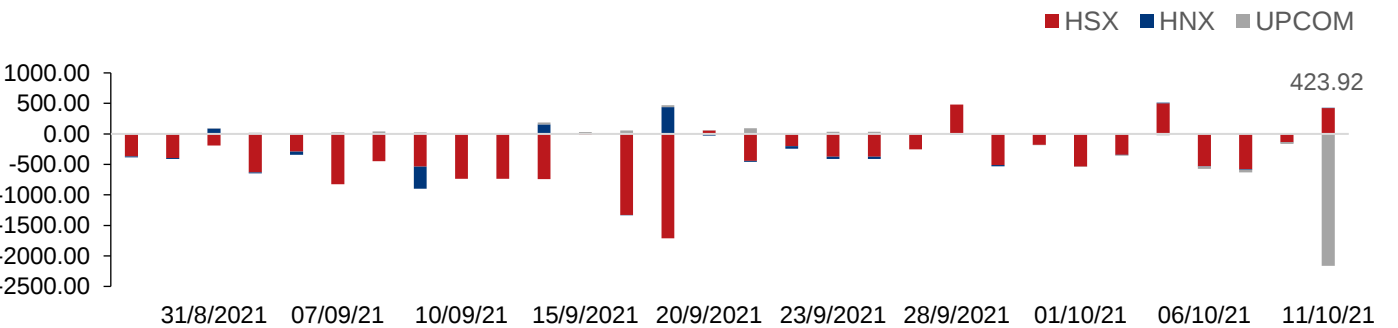
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	54.40	-0.55	-0.13	2.44MLN
HHC	67.10	-9.57	-0.12	3300
MBG	10.20	-9.73	-0.10	3.29MLN
PGS	29.50	-5.14	-0.09	189700
HUT	10.40	-1.89	-0.09	1.52MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMT	17.60	10.0	0.01	192000
VGP	29.70	10.0	0.03	100
VTJ	5.60	9.8	0.01	20300
ALT	15.70	9.8	0.01	900
DC2	14.60	9.8	0.01	50300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KTT	8.10	-10.00	0.00	12000
PMP	12.60	-10.00	0.00	400
VBC	25.30	-9.96	-0.01	31300
CLM	40.10	-9.89	-0.04	2000
MBG	10.20	-9.73	-0.10	3.29MLN

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.6	3,589	9.1	2.2	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	30.9	1,686	18.3	1.6	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.7	566	20.7	1.1	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.8	-411		1.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	50.0	3,949	12.7	2.1	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	31.0	3,417	9.1	1.6	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	56.8	10,677	5.3	1.4	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	29.5	1168.9	25.2	2.3	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	151.8	5,868	25.9	5.8	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	115.7	4,602	25.1	7.3	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	61.5	4,905	12.5	3.3	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	37.6	2,903	12.9	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.3	2,868	11.6	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	21.6	1,379		1.5	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	99.2	4,234	23.4	5.4	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	112.5	4,077	27.6	4.6	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.8	1,180	32.0	3.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	57.2	5,616	10.2	3.5	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	47.9	7,745	6.2	2.4	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.4	-1,169		1.0	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	22.3	1,860	12.0	1.5	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	43.7	1,966	22.2	3.1	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.0	6,776	7.8	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.6	6,547	13.4	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	129.5	6,428	20.1	5.1	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	48.8	6,786	7.2	2.3	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	43.7	3,926	11.1	1.9	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.7	1,093	19.9	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.9	3,445	11.3	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	102.0	5,812	17.5	4.1	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.4	1,079	11.5	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.9	0	1083.8	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.5	1,136	25.1	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.2	951	23.3	1.7	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	38.3	1,064	36.0	3.9	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	55.1	15635.6	3.5	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	53.0	4,613	11.5	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.5	5,534	17.6	3.4	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.9	570	36.7	1.7	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	57.1	4,035	14.2	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	81.0	7,714	10.5	3.6	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.0	4,572	19.7	5.9	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	36.8	2,807	13.1	2.7	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.5	1,195	25.5	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	61.9	5,006	12.4	1.8	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.7	3,256	25.4	7.1	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639